

Số: 2995/QĐ-UBND

An Giang, ngày 16 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh An Giang về việc thông qua Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ
Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang đầu tư trực tiếp và cho vay.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh An Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang;
- Chánh, Phó CVP - Đình Minh Hoàng;
- Website tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, P.KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

DANH MỤC

Lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
I	Lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng; kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ phát triển công nghiệp và du lịch.
2	Đầu tư phát triển năng lượng sạch.
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải), đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
4	Đầu tư phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.
II	Lĩnh vực công nghiệp
1	Đầu tư các dự án công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao.
2	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế.
3	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế.
III	Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, thủy sản và chăn nuôi.
2	Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, thủy sản.
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi.
IV	Lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp khu du lịch tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa tại địa phương.
2	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân,...)
3	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, nhà dưỡng lão, trường học, cơ sở đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao, công viên, khu vui chơi giải trí.
V	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương

1	Dự án đầu tư nhà máy chế biến, bảo quản thủy sản.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc (bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản), sản xuất thức ăn (chăn nuôi, thủy sản), chế phẩm sinh học.
3	Dự án trồng, sản xuất, chế biến cây dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu.
4	Đầu tư xây dựng làng nghề thủ công mỹ nghệ, làng nghề nông thôn tập trung, làng nghề truyền thống, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.
5	Đầu tư hạ tầng kho bãi, vận tải, cảng dịch vụ.
6	Đầu tư các dự án thuộc đề án tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh và dự án thuộc danh mục ngành nghề theo chính sách ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ.
7	Đầu tư xây dựng các dự án theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch tỉnh An Giang.